TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 55/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 16 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 138/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn" giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1995; căn cước số 064195002302 cấp ngày 11/4/2021; địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1984; căn cước số 064084013200; cấp ngày 30/01/2024; địa chỉ: Thôn A, xã C, Gia Lai; nơi ở hiện nay: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1977; căn cước số 064177001018; địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai.

2. Anh Nguyễn Quốc P, sinh năm 1985; căn cước số 064085004462; địa chỉ: Tổ C A, phường A, tỉnh Gia Lai.

3. Ngân hàng C. Đại diện bà Trần Thị Thủy T, Giám đốc Ngân hàng C; địa chỉ: Tổ A, phường A, tỉnh Gia Lai.

4. Ngân hàng N1. Đại diện ông Nguyễn Văn N, Giám đốc A Chi nhánh A1. Địa chỉ số A Q, phường A, tỉnh Gia Lai.

5. Ngân hàng TMCP Đ. Đại diện ông Trương Quốc B, Phó Giám đốc B1 Chi nhánh A1– Phòng giao dịch khu vực Đông G. Địa chỉ số B Đ, phường A, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào các Điều 157, Điều 165, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 59, Điều 60 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về tài sản chung: Chị H và anh H1 có tài sản chung chưa chia là thửa đất số 621 tờ bản đồ 21 diện tích 594m^2 (có 150m^2 đất ở 444m^2 đất trồng cây lâu năm) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 779594 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 19/3/2021 mang tên Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Thị Bích H. Địa chỉ Thôn A, xã

C, tỉnh Gia Lai. Trị giá 791.679.038đ (Bảy trăm chín mươi mốt triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm ba mươi tám đồng).

1.2 Về nợ chung: Chị H và anh H1, nợ chị Nguyễn Thị Ngọc L, số tiền 10.000.000đ; nợ anh Nguyễn Quốc P do mua vật liệu xây dựng, số tiền 43.000.000đ; nợ Ngân hàng C - Phòng C, số tiền gốc 15.000.000đ, nợ số tiền 194.302.000đ tại A và tại B1 (chị H đã trả xong). Tổng số tiền nợ chung là 262.302.000đ (Hai trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm lẻ hai nghìn đồng).

1.3 Đương sự thống nhất như sau:

- Đại diện Ngân hàng C - Phòng C, không khởi kiện yêu cầu độc lập (vì chưa đến hạn và người vay không vi phạm nghĩa vụ) đề nghị Tòa án giao cho người nhận tài sản trả nợ và sẽ khởi kiện khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc L, anh Nguyễn Quốc P không khởi kiện yêu cầu độc lập nhưng đề nghị Tòa án giao cho người nhận tài sản là chị Nguyễn Thị Bích H có nghĩa vụ trả nợ và sẽ khởi kiện khi chị H không trả khoản nợ.

- Khoản nợ tại A và B1 số tiền 194.302.000đ sau ly hôn chị H đã dùng tài sản riêng để trả nợ và tất toán các Hợp đồng tín dụng tại A và B1; người đại diện A, người đại diện B1 đều có Văn bản xác nhận không còn nợ và không có yêu cầu gì.

- Anh H1 đồng ý giao toàn bộ tài sản nhà, đất là tài sản chung của vợ chồng cho chị H toàn quyền sở hữu sử dụng và phải trả toàn bộ các khoản nợ chung số tiền 262.302.000đ, đồng thời chị H thanh toán cho anh H1 số tiền chênh lệch về tài sản là 250.000.000đ trong thời hạn 02 tháng. Chị H đã đồng ý như yêu cầu của anh H1.

2. Anh H1 và chị H sự thống nhất như sau:

2.1 Giao cho chị Nguyễn Thị Bích H được trọn quyền sở hữu, sử dụng thửa đất và toàn bộ căn nhà, tài sản gắn liền với đất (theo sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/3/2026) thửa đất số 621 tờ bản đồ 21 diện tích 594m^2 (có 150m^2 đất ở 444m^2 đất trồng cây lâu năm) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 779594 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 19/3/2021 mang tên Nguyễn Ngọc H1 và Nguyễn Thị Bích H. Địa chỉ Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai. Trị giá là 791.679.038đ.

- Chị H có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký sang tên và thực hiện nghĩa vụ về tài chính (nếu có) theo quy định. Đồng thời, chị H có trách nhiệm tự trả các khoản nợ chung với số tiền nợ chung là 262.302.000đ (trong đó: Ngân hàng C số nợ gốc 15.000.000đ và lãi phát sinh; anh Nguyễn Quốc P số tiền 43.000.000đ; chị Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 10.000.000đ và số tiền 194.302.000đ chị H mượn để tất toán khoản nợ tại A và B1; nếu như chị H không thực hiện trả các khoản nợ trên Ngân hàng Chính sách Xã hội, chị L, anh P được quyền khởi kiện bằng vụ án khác).

2.2 Chị Nguyễn Thị Bích H phải thanh toán cho anh Nguyễn Ngọc H1 phần chênh lệch về tài sản với số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) trong thời hạn từ ngày 08/4/2026 đến ngày 08/6/2026.

3. Về chi phí Tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 2.800.000đ, chị H đã tạm ứng. Anh Nguyễn Ngọc H1, phải thanh

toán cho chị Nguyễn Thị Bích H số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án về các khoản tiền đã nêu ở trên (tiền chênh về tài sản 250.000.000đ anh H1 được nhận, tiền chi phí tố tụng 1.400.000đ chị H được nhận) cho đến khi thi hành án xong thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Trị giá tài sản 791.679.038đ trừ nợ chung 262.302.000đ còn lại để chia là 529.377.038đ; chị H được nhận tài sản trị giá 279.377.038đ, anh H1 được nhận số tiền 250.000.000đ. Án phí dân sự sơ thẩm các bên phải chịu là:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H phải nộp số tiền 6.984.400đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 3.860.200đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004380 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị H còn phải nộp số tiền 3.124.200đ (Ba triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm đồng).

- Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H1 phải nộp số tiền 6.250.000đ (Sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thẩm phán

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

Mai Trung Toàn